

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**
Số: 04/2017/DSST

Ngày 19 tháng 6 năm 2017
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Thìn
Ông Dương Minh Thiết

Thư ký tòa án phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST ngày 30/5/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2017/QĐST-DS ngày 12/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TV 3, xã TD, huyện LG, tỉnh BG

2. Bị đơn: chị Phạm Thị L – sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TV3, xã TD, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2017, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Do quan hệ quen biết, chị đã cho chị Phạm Thị L, sinh năm 1967 ở cùng thôn vay tiền, cụ thể các đợt:

- Ngày 08/9/2014 dương lịch (tức 15/8/2014 âm lịch), chị L vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 20/01/2015 dương lịch (theo lịch là ngày 29/11/2014 âm lịch, chị Lưu ghi trong giấy vay là ngày 30/11/2014 âm lịch), chị L vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 03/2/2015 dương lịch (tức ngày 15/12/2014 âm lịch) chị L vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

- Ngày 28/3/2015 dương lịch (tức ngày 09/2/2015 âm lịch) chị L vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 04/4/2015 dương lịch (tức ngày 16/2/2015 âm lịch), chị Lưu vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 29/4/2015 dương lịch (tức ngày 11/3/2015 âm lịch), chị L vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 31/5/2015 dương lịch (tức ngày 14/4/2015 âm lịch), chị L vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Tổng cộng các đợt vay là 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng chẵn). Khi vay, chị L nói vay tiền để làm nhà, mua ô tô và làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hai bên thỏa thuận lãi xuất nhưng không ghi trong giấy vay, mức lãi là 1,5%/01 ngày đến 2%/ngày, việc thanh toán lãi thỏa thuận trả hàng tháng, thời hạn thanh toán tiền vay gốc là tháng 7/2015 dương lịch (ngày 28/7/2015) trả hết số tiền trên. Hai bên có lập giấy tờ vay, chị L là người viết giấy vay và ký nhận.

Sau khi vay tiền, chị L đã trả lãi cho chị đến hết ngày 21/6/2015 (ngày 6/5/2015 âm lịch), đến ngày 28/7/2015, chị L không trả gốc và số tiền lãi còn lại. Sau đó, chị đã đòi nhiều lần nhưng chị L không trả, chị có làm đơn gửi công an huyện Lạng Giang để đề nghị xem xét, giải quyết, chị L cũng chỉ bảo bao giờ có thì trả. Tháng 12/2016 (âm lịch) chị L trả được 7 triệu đồng, tháng 2/2017 (âm lịch) trả được 5 triệu đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng. Số tiền này hai bên không nói trả vào lãi hay gốc.

Chị Th yêu cầu chị L phải trả số tiền vay gốc 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng) và phải trả lãi tính theo mức lãi suất là 1%/01 tháng, thời gian tính lãi từ ngày 28/7/2015 (là ngày chị L hẹn trả hết số nợ) cho đến ngày xét xử, giải quyết xong. Chị nhất trí trừ cho chị L số tiền 12.000.000 đồng chị L đã trả vào tiền còn nợ chị

Tại phiên tòa, chị Th yêu cầu chị L phải trả ngay gốc và lãi cho chị. Số tiền 12.000.000 đồng chị L đã trả là hai đợt và không nói trả gốc hay lãi, nay chị nhất trí trừ vào tiền gốc tính từ ngày 28/12/2016 dương lịch, nay số tiền gốc chị L còn nợ là 668.000.000 đồng.

Về tiền lãi yêu cầu tính lãi mức 1%/tháng từ ngày 28/7/2015 cho đến ngày xét xử. Chị yêu cầu tính lãi trên nợ gốc theo hai thời điểm từ 28/7/2015 cho đến 28/12/2016, mức lãi 1%/tháng/ số tiền vay gốc 680.000.000 đồng và từ 28/12/2016 cho đến ngày xét xử tính mức lãi là 1%/tháng/ số tiền gốc 668.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án chị yêu cầu tính bằng 1%/tháng trên số tiền chậm thi hành.

Bị đơn chị Phạm Thị L tại bản tự khai ngày 10/5/2017 và các lời khai tiếp theo trình bày: Chị xác nhận có vay chị Nguyễn Thị Th số tiền 680.000.000 đồng (có 7 lần vay), mục đích vay để làm ăn, phát triển kinh tế, làm nhà, mua ô tô như chị Th khai là đúng. Về tiền lãi, hai bên thỏa thuận miệng, có hai khoản vay 150.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 1,5%/ngày, còn các khoản vay khác tính lãi 2%/ngày vay. Về thời hạn thanh toán tiền lãi hai bên thỏa thuận trả từng tháng, còn tiền vay gốc hẹn ngày 28/7/2015 trả hết. Sau khi vay, chị đã thanh toán cho chị Th tiền lãi đến hết ngày 21/6/2015. Đến hạn thanh toán, chị không trả được nợ gốc và lãi do làm ăn thua lỗ, tháng 12/2016 âm lịch chị trả cho chị Th được 7 triệu đồng, tháng 2/2017 âm lịch trả tiếp được 5 triệu đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng, tuy nhiên chị và chị Th không nói trả vào tiền lãi hay gốc. Chị Th yêu cầu chị trả 680.000.000

đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng) gốc và tiền lãi tính theo mức lãi 1%/tháng kể từ ngày 28/7/2015 cho đến ngày xét xử và trừ cho chị 12.000.000 đồng đã trả chị nhất trí, do chị không có khả năng thu xếp trả nợ ngay nên chị đề nghị Tòa án xét xử theo luật. Về tiền lãi suất phát sinh do chậm trả, chị nhất trí tính theo mức 1%/tháng (12%/năm) trên với số tiền chậm thi hành. Chị không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu xem xét về số tiền lãi hai bên đã thanh toán đến ngày 21/6/2015.

Tại phiên tòa, chị L trình bày xác nhận số tiền vay chị Thủy 680.000.000 đồng đến ngày 28/7/2015 chưa trả. Ngày 28/12/2016 dương lịch chị trả cho chị Thủy được 7 triệu đồng, ngày 01/3/2017 dương lịch trả tiếp được 5 triệu đồng, nay chị Th tính 12.000.000 đồng trừ vào số tiền gốc tính từ ngày 28/12/2016, chị nhất trí. Về tiền lãi chị không đồng ý mức lãi suất 1%/tháng như chị Thủy yêu cầu mà đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định. Về tiền lãi suất chậm thi hành án chị đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

Đơn khởi kiện cung các tài liệu, chứng cứ chị Nguyễn Thị Th đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều có mặt, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn giải quyết vụ kiện.

Về thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp của mình pháp bị xâm phạm, do vậy tính từ ngày 28/7/2015 cho đến ngày chị Th khởi kiện, Tòa án thụ lý đơn 05/5/2017, thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên theo quy định của khoản 3 điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về nội dung tranh chấp: Lời khai của nguyên đơn Nguyễn Thị Th về việc chị cho chị Phạm Thị L vay số tiền 680.000.000 đồng đã được chị L thừa nhận là đúng và được chứng minh bằng các giấy vay nhận nợ do chị Th giao nộp đó là: Ngày 08/9/2014 dương lịch (tức ngày 15/8/2014 âm lịch) cho vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 20/01/2015 dương lịch (tức ngày 29/11/2014 âm lịch) cho vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 03/2/2015 dương lịch (tức ngày 15/12/2014 âm lịch) cho vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Ngày 28/3/2015 dương lịch (tức ngày 09/2/2015 âm lịch) cho vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Ngày 04/4/2015 dương lịch (ngày 16/2/2015 âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); Ngày 29/4/2015 dương lịch (tức ngày 11/3/2015 âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); Ngày 31/5/2015 dương lịch (tức ngày 14/4/2015 âm lịch), chị L vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Về thời hạn thanh toán có ghi trong các giấy vay ngày 16/2/2015, ngày 14/4/2015, ngày 29/4/2015, các lần vay còn lại

không ghi, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Th và chị L đều thừa nhận có thỏa thuận trả các khoản vay trên vào ngày 28/7/2015 dương lịch. Về lãi suất không ghi trong giấy vay nhưng chị Th, chị L đều khai hai bên có thỏa thuận lãi theo mức 1,5%/ngày đến 2%/ngày. Như vậy, giữa chị Nguyễn Thị Th và chị Phạm Thị L đã có thỏa thuận tự nguyện cho nhau vay tiền, hai bên có thiết lập giấy tờ vay do chị L viết và ký nhận, Chị Th và chị L giao kết cho nhau vay tiền và thực hiện hợp đồng vay năm 2015 nên việc cho vay của hai bên thỏa mãn quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về việc thanh toán: Chị Th, chị L đều khai sau khi vay, chị L đã thanh toán tiền lãi đến ngày 21/6/2015 dương lịch, ngày 28/12/2016 dương lịch chị L trả được 7 triệu đồng, ngày 01/3/2017 dương lịch chị L trả được 5 triệu đồng, tại phiên tòa, chị Th, chị L thống nhất tính số tiền 12.000.000 đồng chị L trả vào tiền nợ gốc và tính ngày trả là 28/12/2016, Chị Th xác định số tiền gốc chị L còn nợ là 668.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng) và yêu cầu chị L trả được chị L thừa nhận. Như vậy việc chị Th khởi kiện yêu cầu chị L trả tiền vay là có căn cứ, cần xem xét theo quy định của pháp luật buộc chị L trả cho chị Th số tiền vay gốc trên.

Về tiền lãi: Chị Th, chị L đều khai tiền lãi hai bên thỏa thuận tính theo mức 1,5%/ ngày đến 2%/ngày và chị L đã trả được tiền lãi đến ngày 21/6/2015, Hội đồng xét xử thấy mức lãi trên là cao so với quy định của pháp luật, chị L không yêu cầu xem xét số tiền lãi đã trả chị Th trước ngày 21/6/2015 nên HĐXX không xem xét. Trong quá trình giải quyết án và tại phiên tòa, chị Th yêu cầu chị L trả lãi theo mức 1%/tháng trên số nợ gốc, chị L nhất trí, nhưng tại phiên tòa chị L không nhất trí và yêu cầu xem xét theo pháp luật. Xét thấy các đương sự có tranh chấp về lãi, thời điểm giao kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng là năm 2015, nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, tính theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng nhà nước áp dụng là 9%/năm (bằng 0,75%/tháng) để giải quyết. Về tiền lãi cần tính theo hai thời điểm: Từ 28/7/2015 cho đến 28/12/2016 là tiền vay gốc 680.000.000 đồng x 9%/năm (0,75%/ tháng) x 17 tháng = 86.700.000 đồng và từ 29/12/2016 cho đến ngày xét xử 19/6/2017 là 05 tháng 21 ngày, tiền vay gốc (668.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 5 tháng) + (668.000.000 đồng x 0,025%/ngày x 21 ngày) = 28.557.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi bằng 115.257.000 đồng

Như vậy, cần buộc chị Phạm Thị L trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền vay gốc 668.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng) và số tiền lãi là 115.257.000 đồng. Tổng cộng là: 783.257.000 đồng (bảy trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án, tính theo quy định tại điều 357; khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

Quyết định

Áp dụng khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c, d khoản 1 điều 688; Điều 429; Điều 357; khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Các điều 471, 473, 474, khoản 2 điều 476 của Bộ luật dân sự 2005. Áp dụng điều 24, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Buộc chị Phạm Thị L phải thanh toán trả chị Nguyễn Thị Th số tiền vay gốc 668.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng) và số tiền lãi là 115.257.000 đồng (một trăm mười lăm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng là: 783.257.000 đồng (bảy trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Án phí: chị Phạm Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 35.330.280 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2015/0002318 ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-Các đương sự;
-Luu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng